TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2024/DS-ST
Ngày 09 - 9 - 2024
Về tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Mỹ Liên.

2. Ông Ngô Văn Hóa.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Huỳnh Tấn Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*: ông Võ Trường Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng Tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: B - B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Quốc H, chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh T1 kiêm Trưởng phòng G (theo giấy ủy quyền số 3879/2021/QĐ-NS ngày 21/9/2021).

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Nguyễn Minh C, chức vụ: Trưởng B (theo giấy ủy quyền số 40/GUQ-PGD TB ngày 03/4/2024) – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* ông Võ Chí T, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp T, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Ngân hàng TMCP S và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn – ông Nguyễn Minh C trình bày:

Ngày 31/08/2020, ông Võ Chí T đến Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng S1) ký phiếu đăng ký thông tin khách hàng cá nhân và phiếu đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ với Ngân hàng S1, cả 02 phiếu đăng ký này đều có thông tin cá nhân của ông C, số điện thoại sử dụng giao dịch là 0975511011, nhằm mở tài khoản thanh toán số 050121500131 tại Ngân hàng TMCP S - Chi Nhánh T1 - Phòng G để nhận tiền lương. Sau đó, căn cứ vào thu nhập tiền lương nhận được từ Công ty TNHH L (KCN P - G, Tây Ninh) qua tài khoản tại Ngân hàng S1, ông T đã thực hiện vay vốn trên ứng dụng trực tuyến "S1" và nhận tiền vay, đồng thời trả nợ thông qua số tài khoản trên, chi tiết 03 khoản vay như sau:

1. Ngày 10/03/2023, ông Võ Chí T thực hiện giao dịch vay tiền trực tuyến trên ứng dụng "S1", chi tiết hợp đồng cho vay như sau:

- Số Hợp đồng vay kiêm giấy nhận nợ: LD2309600111 ký ngày 10/03/2023. Số tiền vay: 10.000.000 đồng. Mục đích vay: Tiêu dùng. Lãi suất: 22 %/năm. Biên độ 12%/năm. Lãi suất nêu trên được áp dụng cho 3 tháng đầu tiên kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Từ tháng thứ 04 trở đi lãi suất cho vay được điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở tương ứng theo kỳ hạn vay được Ngân hàng S1 niêm yết tại www.S1.com.vnđiểm điều chỉnh cộng biên độ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Lãi chậm trả 10%/năm. Thời hạn vay: 12 tháng. Ngày trả nợ vay: ngày 28 hàng tháng. Thời điểm trả hết nợ: 10/03/2024.

Trong quá trình vay, ông T đã thanh toán gốc lãi 01 kỳ vào ngày 31/03/2023 và tiền gốc trả được đến ngày 01/12/2023 là: 1.595.551 đồng. Đến kỳ hạn trả nợ ngày 28/04/2023 thì ông T không thanh toán đầy đủ gốc lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 09/9/2024, ông T còn nợ cụ thể như sau: Gốc: 8.686.544 đồng. Lãi trong hạn: 839.201 đồng. Lãi quá hạn: 2.617.781 đồng. Lãi chậm trả: 87.042 đồng. Tổng nợ Hợp đồng cho vay số LD2309600111: 12.230.568 đồng.

2. Ngày 10/03/2023, ông Võ Chí T thực hiện giao dịch vay tiền trực tuyến trên ứng dụng "S1", chi tiết hợp đồng cho vay như sau:

Số Hợp đồng vay kiêm giấy nhận nợ: LD2306900140 ký ngày 10/03/2023. Số tiền vay: 10.000.000 đồng. Mục đích vay: Tiêu dùng. Lãi suất: 22 %/năm. Biên độ 12%/năm. Lãi suất nêu trên được áp dụng cho 03 tháng đầu tiên kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất cho vay được điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở tương ứng theo kỳ hạn vay được S1 niêm yết tại www.S1.com.vnđiểm điều chỉnh cộng biên độ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Lãi chậm trả 10%/năm. Thời hạn vay: 12 tháng. Ngày trả nợ vay: ngày 28 hàng tháng. Thời điểm trả hết nợ: 10/03/2024.

Trong quá trình vay, ông T đã thanh toán gốc lãi 01 kỳ vào ngày 31/03/2023 và tiền gốc trả được đến ngày 01/06/2024 là: 944.852 đồng. Đến kỳ hạn trả nợ ngày 28/04/2023 thì Ông T không thanh toán đầy đủ gốc lãi cho Ngân hàng. Do Ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ Hợp đồng vay kiêm giấy nhận nợ: LD2306900140 đã ký. Tính đến ngày 09/9/2024, Ông T còn nợ cụ thể như sau:

Gốc: 9.165.992 đồng. Lãi trong hạn: 1.010.467 đồng. Lãi quá hạn: 2.834.956 đồng. Lãi chậm trả: 101.556 đồng. Tổng nợ Hợp đồng cho vay số LD2306900140: 13.121.971 đồng.

3. Ngày 09/03/2023, ông Võ Chí T thực hiện giao dịch vay tiền trực tuyến trên ứng dụng "S1", chi tiết hợp đồng cho vay như sau: Số Hợp đồng vay kiêm giấy nhận nợ: LD2306801272 ký ngày 09/03/2023. Số tiền vay: 10.000.000 đồng. Mục đích vay: Tiêu dùng. Lãi suất: 22 %/năm. Biên độ 12%/năm. Lãi suất nêu trên được áp dụng cho 03 tháng đầu tiên kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Từ tháng thứ 04 trở đi lãi suất cho vay được điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở tương ứng theo kỳ hạn vay được S1 niêm yết tại www.S1.com.vnđiểm điều chỉnh cộng biên độ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Lãi chậm trả 10%/năm. Thời hạn vay: 12 tháng. Ngày trả nợ vay: ngày 28 hàng tháng. Thời điểm trả hết nợ: 09/03/2024.

Trong quá trình vay, ông T đã thanh toán gốc lãi 01 kỳ vào ngày 31/03/2023 và tiền gốc trả được đến ngày 31/03/2024 là: 950.913 đồng. Đến kỳ hạn trả nợ ngày 28/04/2023 thì ông T không thanh toán đầy đủ tiền gốc lãi cho Ngân hàng. Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ Hợp đồng vay kiêm giấy nhận nợ: LD2306801272 đã ký. Tính đến ngày 09/9/2024, ông T còn nợ cụ thể như sau: Gốc: 9.165.952 đồng. Lãi trong hạn: 1.009.770 đồng. Lãi quá hạn: 2.835.662 đồng. Lãi chậm trả: 101.512 đồng. Tổng nợ Hợp đồng cho vay số LD2306801272 là: 9.165.952 đồng.

Trường hợp của ông T thuộc trường hợp vay tín chấp nên không có thế chấp tài sản gì. Từ ngày 28/4/2023 thì Ngân hàng không thu nợ được do tài khoản của anh T không phát sinh giao dịch đến (Tài khoản không còn tiền và công ty không trả lương cho ông T do ông T đã nghỉ việc). Vì vậy, Ngân hàng S1 đã chuyển toàn bội dư nợ của ông T sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 38.474.435 đồng, trong đó gồm có: dư nợ gốc là 27.018.488 đồng, lãi trong hạn là 2.859.438 đồng, lãi quá hạn là 8.288.399 đồng, lãi chậm trả là 308.110 đồng. Đồng thời, ông Võ Chí T có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 10/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

* Bị đơn – ông Võ Chí T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá

trình Tòa án giải quyết vụ án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, làm cho việc giải quyết vụ án kéo dài, vi phạm quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* đối với ông Võ Chí T. Buộc ông T có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ gốc 27.018.488 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn – ông Võ Chí T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay theo hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ với mục đích tiêu dùng cá nhân nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[3] Xét yêu cầu trả số tiền 38.474.435 đồng của nguyên đơn thấy rằng:

Ngày 31/08/2020, ông Võ Chí T đến Ngân hàng S1 ký phiếu đăng ký thông tin khách hàng cá nhân và phiếu đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ với Ngân hàng S1 nhằm mở tài khoản thanh toán số 050121500131 tại Ngân hàng TMCP S - Chi Nhánh T1 - Phòng G để nhận tiền lương. Căn cứ vào thu nhập tiền lương nhận được từ Công ty TNHH L (KCN P - G - Tây Ninh) qua tài khoản tại Ngân hàng S1, ông T đã thực hiện vay vốn trên ứng dụng trực tuyến "S1" đồng thời trả nợ thông qua số tài khoản trên. Ông T đã giao kết với Ngân hàng S1 03 hợp đồng cho vay kiếm giấy nhận nợ với hình thức cho vay tín chấp từ lương trực tuyến, cụ thể như sau: Hợp đồng vay kiêm giấy nhận nợ số LD2309600111 ký ngày 10/03/2023, ông T vay Ngân hàng S1 số tiền 10.000.000 đồng. Ngày trả nợ vay: ngày 28 hàng tháng. Thời điểm trả hết nợ: 10/03/2024. Trong quá trình vay, ông T đã thanh toán gốc lãi 01 kỳ vào ngày 31/03/2023 và tiền gốc trả được đến ngày 01/12/2023 là: 1.595.551 đồng.

Hợp đồng vay kiêm giấy nhận nợ số LD2306900140 ký ngày 10/03/2023, ông T vay Ngân hàng S1 số tiền 10.000.000 đồng. Ngày trả nợ vay: ngày 28 hàng tháng. Thời điểm trả hết nợ: 10/03/2024. Trong quá trình vay, ông T đã thanh toán gốc lãi 01 kỳ vào ngày 31/03/2023 và tiền gốc trả được đến ngày 01/06/2024 là: 944.852 đồng.

Hợp đồng vay kiêm giấy nhận nợ số LD2306801272 ký ngày 09/3/2023, ông T vay Ngân hàng S1 số tiền 10.000.000 đồng. Ngày trả nợ vay: ngày 28 hàng tháng. Thời điểm trả hết nợ: 09/03/2024. Trong quá trình vay, ông T đã thanh toán gốc lãi 01 kỳ vào ngày 31/03/2023 và tiền gốc trả được đến ngày 31/03/2024 là: 950.913 đồng.

Đến kỳ hạn trả nợ ngày 28/04/2023 thì ông T không thanh toán đầy đủ tiền gốc lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 09/9/2024, dư nợ của Hợp đồng cho vay số LD2306801272 là: 9.165.952 đồng, bao gồm: nợ gốc: 9.165.952 đồng, lãi trong hạn: 1.009.770 đồng, lãi quá hạn: 2.835.662 đồng, lãi chậm trả: 101.512 đồng. Dư nợ của Hợp đồng cho vay số LD2306900140 là: 13.121.971 đồng, bao gồm: nợ gốc: 9.165.992 đồng. Lãi trong hạn: 1.010.467 đồng. Lãi quá hạn: 2.834.956 đồng. Lãi chậm trả: 101.556 đồng. Dự nợ của Hợp đồng cho vay số LD2309600111 là: 12.230.568 đồng bao gồm: nợ gốc: 8.686.544 đồng, lãi trong hạn: 839.201 đồng, lãi quá hạn: 2.617.781 đồng, lãi chậm trả: 87.042 đồng.

Xét phiếu đăng ký thông tin khách hàng cá nhân, phiếu đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ và Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ ông T ký với Ngân hàng TMCP S trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết là vi phạm quy định của Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ. Do đó, nay TMCP S yêu cầu ông T trả số tiền tính đến ngày 09/9/2024 của 03 hợp đồng cho vay trên tổng cộng là 38.474.435 đồng, trong đó gồm có: dư nợ gốc là 27.018.488 đồng, lãi trong hạn là 2.859.438 đồng, lãi quá hạn là 8.288.399 đồng, lãi chậm trả là 308.110 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Ông Võ Chí T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ kể từ ngày 09/9/2024 cho đến ngày ông T trả hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP S thì lãi suất mà ông Võ Chí T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng TMCP S.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Án phí được tính như sau:

38.474.435 đồng x 5% = 1.923.721 đồng, làm tròn là 1.924.000 (Một triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Võ Chí T về việc tranh chấp hợp đồng Tín dụng.

Buộc ông Võ Chí T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền (tạm tính đến ngày 09/9/2024) là 38.474.435 đồng, trong đó gồm có: dư nợ gốc là 27.018.488 đồng, lãi trong hạn là 2.859.438 đồng, lãi quá hạn là 8.288.399 đồng, lãi chậm trả là 308.110 đồng.

Ông Võ Chí T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ kể từ ngày 09/9/2024 cho đến ngày ông T trả hết nợ. Trường hợp trong Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP S thì lãi suất mà ông Võ Chí T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng TMCP S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Võ Chí T phải chịu 1.924.000 (Một triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 884.000 (Tám trăm tám mươi bốn nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0015523 ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP S và ông T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNGXÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà